

Bản án số: 110/2024/DS-PT

Ngày: 20/6/2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Văn Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 289/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2024/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Công T – sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị P – sinh năm: 1967; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Thái Thị M – sinh năm: 1943; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phương C – sinh năm: 1960; Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Thái Thị M: Ông Lê Đình P1 – Luật sư hoạt động tại Công ty L2 chi nhánh Q. (Có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị M1 – sinh năm: 1986; Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P – sinh năm: 1967; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

2. Ông Trần Công L – sinh năm: 1988; Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

3. Ủy ban nhân dân phường H; Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Công S, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường H. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Đức N – sinh năm: 1970; Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

2. Ông Bùi Thanh T1 – sinh năm: 1952; Địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

- Người biết việc:

1. Ông Nguyễn Văn L1 – sinh năm: 1970 (Có mặt)

2. Bà Trịnh Thị H – sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, P.H, TX.Hoài Nhơn, Bình Định

Do có kháng cáo của bị đơn bà Thái Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị P thống nhất trình bày: Vào năm 1993, vợ chồng ông được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất thửa số 913, tờ bản đồ số 14 tại khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Gia đình ông sử dụng đất để canh tác khoảng 02 năm thì do mở đường nên Ban N1 chỉ cho gia đình ông, bà canh tác ở thửa ruộng khác. Đến năm 2015, vợ chồng ông đi gia hạn quyền sử dụng đất thì biết được biết thửa đất trên do bà Thái Thị M đang sử dụng. Nay, vợ chồng ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Thái Thị M phải trả lại thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14, tại khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định cho hộ gia đình ông.

Bị đơn bà Thái Thị M, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Phương C trình bày: Khoảng năm 1995- 1996 bà M được Ban N1 xét cấp cho bà M được canh tác tại thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14 và bà M canh tác từ đó cho đến năm 2015 không ai tranh chấp gì cả. Bà M nộp nghĩa vụ thuế đầy đủ cho UBND xã H (nay là UBND phường H) theo đúng quy định. Bà M đã làm đơn xin cấp đất ở cho ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1970 và bà Trịnh Thị H, sinh năm 1973. Ông L1 và bà H được UBND xã H xét công nhận và điều thống nhất giao đất ở vào ngày 21/11/2013 theo trích biên bản họp hội đồng tư vấn giao đất xã. Bên cạnh đó, theo đơn xin xác nhận do ông Bùi Thanh T1 là nguyên bí thư chi bộ thôn P; ông Trần Đức N nguyên là thôn đội trưởng thôn P có xác nhận giao đất tại vùng đất tục danh là Mẫu H1 cho bà M sử dụng. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét giải quyết, công nhận thửa đất nói trên cho bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M1 và ông Trần Công L thống nhất trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Trần Công T, bà Nguyễn

Thị P, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Thái Thị M phải trả lại thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14, tại khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định cho hộ gia đình ông, bà.

Ủy ban nhân dân phường H có văn bản trình bày: Phần diện tích 41,5m² theo bản đồ năm 1997 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H03965 do UBND huyện H cấp ngày 30/11/2007 thuộc thửa đất 913, tờ bản đồ số 14, tên người sử dụng đất là ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị P.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2023, người làm chứng ông Trần Đức N trình bày: Vào giai đoạn năm 1994 - 1995 ông làm Thôn đội trưởng của thôn P. Thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14 tại khu phố P, phường H, thị xã H (vùng đất tục danh là Mầu Heo) vào khoảng năm 1993 đến 1994 gia đình ông T, bà P được Nhà nước giao quyền sử dụng. Gia đình ông T, bà P sử dụng được vài mùa thì do ruộng ở sát nhà dân bị rập nên gia đình ông T không sử dụng nữa. Đến năm 1995, địa phương phóng tuyến làm đường đi ngang qua thửa đất này thì Ban N1 có hoán đổi cho gia đình ông T, P làm một thửa ruộng khác nhưng thửa đất ở đâu thì ông không biết. Khi làm đường thì thôn không có tiền làm đường mà chỉ vận động nhân dân ủng hộ tiền để làm đường, lúc đó bà M được thôn giao sử dụng nhiều thửa đất thuộc nhà nước quản lý (trong đó có được giao thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14 tại khu phố P, phường H, thị xã H được Nhà nước giao cho ông T, bà P). Lúc đó thì bà M có nộp tiền ủng hộ cho thôn P để làm đường khoảng 2.000.000 đến 3.000.000 đồng. Do đó, bà M được sử dụng thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14 tại khu phố P, phường H, thị xã H cho đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2023, người làm chứng ông Bùi Thanh T1 trình bày: Trong giai đoạn năm 1995 – 1996 ông là Bí thư Chi bộ thôn P. Năm 1995 trong hội nghị xét cấp đất của thôn P thì toàn thể Hội nghị đã thống nhất xét cấp đất cho bà Thái Thị M thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14, tục danh là Mầu ao làng. Khoảng năm 1991 – 1992 gia đình ông T, bà P canh tác trên thửa đất này khoảng vài mùa thì bỏ hoang nên Ban nhân dân thôn mới xét cấp cho bà M sử dụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 289/2023/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Thái Thị M phải trả cho hộ gia đình ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị P thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14, diện tích đo đạc thực tế 217,5m² tại khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo), có giới cận: Phía Đông giáp đường đi có kích thước 20,37m; Phía Tây giáp thửa đất số 912 có kích thước 20,92m; Phía Nam giáp thửa đất số 118 có kích thước 10,73m; Phía Bắc giáp đường bê tông kích thước 10,37m.

2. Giao hộ gia đình ông Trần Công T, bà Nguyễn Thị P được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: Đất nâng nền khối lượng 120m² có giá trị: 11.400.000 đồng; 17 trụ bê tông có giá trị: 209.862 đồng; Lưới B40 có giá trị: 737.760 đồng;

T2 rào xây đá táp lô giá trị: 898.222 đồng; 01 giếng đóng có giá trị: 2.800.000 đồng; Tổng giá trị trên đất là: 16.045.844 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá; về phần án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 03/10/2023 bà Thái Thị M kháng cáo với nội dung: Yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Sửa phần quyết định bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Thái Thị M phải trả lại cho hộ gia đình ông Trần Công T diện tích 213,1m² như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. *Về tố tụng*: Bị đơn bà Thái Thị M kháng cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường H; người làm chứng: Ông Bùi Thanh T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung*: Vợ chồng ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị P cho rằng năm 1993 gia đình ông bà được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64 của Chính phủ và được HTX Nông nghiệp chỉ cho thửa đất 334C (Bản đồ năm 1997) diện tích 200m² để sản xuất. Đến năm 1996, thôn P mở đường nên chỉ cho vợ chồng ông vị trí sản xuất khác, hộ ông bà đã được UBND huyện H (nay là thị xã H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01405/A11 ngày 16/4/1997. Năm 2002 được UBND thị xã H cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 01405/A11 ngày 29/5/2002. Năm 2007, thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo VN-2000, vợ chồng ông bà có đơn xin cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 334C, tờ bản đồ số 8 thành thửa đất số 913, tờ bản đồ số 4 diện tích theo đo đạc thực tế là 213,1m². Đến năm 2015, gia hạn sổ và phát hiện thửa đất đã cấp cho vợ chồng ông là vị trí bà Thái Thị M đang sử dụng.

Bà Thái Thị M lại cho rằng thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định bà đã được Ban N1, xã H (nay là phường H) xét cấp cho bà từ khoảng năm 1995 – 1996, bà đã nộp tiền, đóng thuế đầy đủ theo quy định cho UBND phường H, bà sử dụng liên tục đến năm 2015 không có ai tranh chấp. Bà đã cho thửa đất này cho vợ chồng con trai bà là anh Nguyễn Văn L1 và chị Trịnh Thị H quản lý, sử dụng và vợ chồng con trai bà cũng đã làm đơn xin cấp đất ở tại thửa đất trên và được UBND phường H xét công nhận và đều thống nhất giao đất ở vào ngày 21/11/2013.

[3]. *Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:*

[3.1]. Thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14 tại Khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định được Nhà nước giao quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Trần Công T theo Nghị định 64 của Chính phủ và UBND thị xã H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Trần Công T, nhưng thực tế bà Thái Thị M lại là người quản lý, sử dụng từ năm 1996 đến năm 2015 mới phát sinh tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M khai đã cho thửa đất này cho vợ chồng con trai là anh Nguyễn Văn L1 và vợ là chị Trịnh Thị H quản lý, sử dụng từ năm 2000, vợ chồng anh L1 đã làm đơn xin cấp đất ở được UBND phường H chấp nhận và đầu tư một số tài sản trên đất.

[3.2]. *Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc hiện trạng và biên bản định giá tài sản ngày 25/8/2023:* Thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14 tại Khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định: Kết quả đo đạc hiện trạng của thửa đất tranh chấp nói trên hiện bà Thái Thị M đang quản lý, sử dụng đất, có giới cận và kích thước như sau: Phía Đông giáp đường đi có kích thước 20,37m; Phía Tây giáp thửa đất số 912 có kích thước 20,92m; Phía Nam giáp thửa đất số 118 có kích thước 10,73m; Phía Bắc giáp đường bê tông kích thước 10,37m. Diện tích: $176m^2 + 41,5m^2 = 217,5m^2$. Tài sản trên đất gồm có: Đất nâng nền khối lượng $120m^2$ có giá trị: 11.400.000 đồng; 17 trụ bê tông có giá trị: 209.862 đồng; Lưới B40 có giá trị: 737.760 đồng; T2 rào xây đá táp lô giá trị: 898.222 đồng; 01 giếng đóng có giá trị: 2.800.000 đồng; Tổng giá trị trên đất là: 16.045.844 đồng.

[3.3]. *Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện:*

- Tờ kê khai lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 30/12/2014: Tên người nộp thuế Nguyễn Văn L1. (BL.117)

- Giấy xác nhận căn cứ để tính nghĩa vụ có liên quan về nhà, đất thể hiện: Căn cứ xin giao đất ở của anh Nguyễn Văn L1 thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14... (BL.116)

- Biên bản thẩm tra hồ sơ đất đai ngày 31/12/2014 tại mục II. Đại diện cho chủ sử dụng đất: Anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị H2. (BL.115)

- Trích lục bản đồ ngày 31/12/2014 của Chủ tịch UBND xã H: Tên chủ sở hữu đất anh Nguyễn Văn L1, chị Phạm Thị H3 (BL.154).

- Danh sách công khai kết quả xét duyệt đơn công dân tại xã H, huyện H ngày 21/11/2013 tại mục 8. Nguyễn Văn L1, nội dung đơn: Xin cấp đất ở tại thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14, diện tích $180/213,1m^2$, ý kiến của thôn: Thống nhất được; ý kiến của Hội đồng: Thống nhất được. (BL.151)

- Tại đơn trình bày ngày 18/4/2024 của anh Nguyễn Văn L1 và chị Trịnh Thị H trình bày: Thửa đất 913 là do UBND xã H cấp cho bà Thái Thị M vào năm 1996 do gia đình anh đông con và mẹ anh phải nộp số tiền 2.400.000 đồng. Sau đó, mẹ anh đã giao toàn bộ lô đất trên cho vợ chồng anh trọn quyền sử dụng. Năm 2013, do nhu cầu chỗ ở nên vợ chồng anh đã làm hồ sơ xin được cấp sổ đỏ đất ở

lô đất nói trên và được UBND xã H chấp nhận cấp sổ đỏ cho vợ chồng anh. Sau đó, do nghe UBND xã nói là có tranh chấp nên vợ anh rút hồ sơ cấp sổ đỏ chờ xã giải quyết.

- Tại biên bản làm việc ngày 06/5/2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định: Chị Trịnh Thị H là con dâu của bà Thái Thị M trình bày: Năm 1995 Chi ủy thôn P phân lô bán nền cho mẹ tôi và mẹ tôi đóng góp cho Chi ủy 2.400.000 đồng, đất này dùng để trồng lúa sau đó thu hồi thì Chi ủy thôn đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm giao cho mẹ tôi thừa đất 913. Đến năm 2000, mẹ tôi già yếu không làm được nữa nên giao thừa đất này cho vợ chồng tôi là Nguyễn Văn L1, Trịnh Thị H trực tiếp quản lý, sử dụng để trồng bắp. Đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 chồng tôi có đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Hội đồng xét duyệt đồng ý thông qua danh sách xét duyệt ngày 21/11/2013. Sau khi được Hội đồng đồng ý, chồng tôi tiến hành làm các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm các thủ tục: Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất; giấy xác nhận để tính các nghĩa vụ có liên quan đến về nhà, đất; biên bản thẩm định hồ sơ nhà đất và trích lục bản đồ ngày 31/12/2014. Trên đất gồm: Giếng, tường rào bê tông, 5 cây dừa đã có trái, lưới B40, tường rào, bắt điện... tài sản này do vợ chồng tôi tạo lập để phục vụ cho nhu cầu trồng cây.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm anh Nguyễn Văn L1 đề nghị nếu Tòa tuyên buộc trả đất cho vợ chồng ông T thì số tiền đầu tư trên đất phải trả lại cho vợ chồng anh.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh Nguyễn Văn L1, chị Trịnh Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ảnh hưởng đến quyền, lợi của hợp pháp của vợ chồng anh L1.

[3.4]. Ngoài ra, trong vụ án này còn nhiều vấn đề chưa được làm rõ như:

- Năm 1993 vợ chồng Ông T được Hợp tác xã N2 giao cho thừa đất 913, tờ bản đồ số 14 để canh tác, vợ chồng ông T canh tác 02 năm sau đó được chỉ canh tác thửa đất khác, đó là thửa đất nào? Hiện nay vợ chồng ông T có còn tiếp tục canh tác tại thửa đất đó không? Có được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?

- Theo vợ chồng ông T trình bày thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14 tại Khu phố P, phường H, thị xã H ông bà đã được giao đất từ năm 1993, sử dụng được 02 năm sau đó mới được Ban nhân dân thôn chỉ chỗ khác để canh tác và đến năm 2007 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tại sao vợ chồng ông T3 không biết mình được cấp đất ở chỗ nào? Vợ chồng ông T có khiếu nại đến UBND các cấp không? Nếu có, đã được giải quyết chưa?

- Tại Công văn số 55/UBND-TNMT ngày 09/01/2023 của UBND thị xã H ngoài việc xác nhận nguồn gốc thửa đất và quá trình cấp Giấy chứng nhận còn đề nghị Tòa án tiến hành đo đạc, xét xử theo đúng diện tích cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (213,1m²), nhưng cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Thái Thị M phải

trả cho hộ gia đình ông Trần Công T diện tích đo đạc thực tế 217,5m² là không đúng thẩm quyền và trái với quy định của Luật Đất đai.

- Tại cấp phúc thẩm, anh Nguyễn Văn L1 và chị Trịnh Thị H có đơn khiếu nại cho rằng thửa đất này đã được mẹ là bà Thái Thị M cho quản lý, sử dụng từ năm 2000; các tài sản trên đất do vợ chồng anh chị tạo lập. Vấn đề này chưa được xác minh làm rõ thực tế hiện nay thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14 ai là người quản lý, sử dụng; tài sản trên đất có phải do vợ chồng anh L1 bỏ tiền ra để tạo lập không?

- Căn cứ đề UBND phường H xét công nhận, thống nhất giao đất ở cho vợ chồng anh L1 tại thửa đất số 913, tờ bản đồ số 14 theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn giao đất xã ngày 21/11/2013? Lý do tại sao các thủ tục xin cấp đất do anh Nguyễn Văn L1 là người đứng tên nhưng tại Đơn xin rút lại hồ sơ xin giao đất ở ngày 25/5/2015 lại do chị Trịnh Thị H là vợ anh L1 ký? Việc ký đơn xin rút này có được sự đồng ý của anh L1 không?

Do những thiếu sót của cấp sơ thẩm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy bản án sơ thẩm và giao toàn bộ hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm. Do bản án bị hủy nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị*: Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do thiếu người tham gia tố tụng là vợ chồng anh Nguyễn Văn L1. Đề nghị của Luật sư phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị: Sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Thái Thị M phải trả lại cho hộ gia đình ông Trần Công T diện tích 213,1m² như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 148; Điều 293; khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 12; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 289/2023/DSST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Bình Định.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã HN;
- CCTHADS thị xã HN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Xuân Hải